

CHÍNH SÁCH CỦA ẤN ĐỘ TRIỂN KHAI DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY

Trung tá NGUYỄN VĂN KHOÀI

Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng; ✉ nguyenvkhoai304@gmail.com

Ngày nhận: 01-10-2025; Ngày hoàn thiện: 30-11-2025; Ngày duyệt đăng: 10-12-2025

Tóm tắt: Sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và quá trình tái cấu trúc trật tự khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã làm thay đổi đáng kể môi trường an ninh và đối ngoại của các quốc gia đang lên. Trong bối cảnh đó, Ấn Độ đứng trước cơ hội nâng cao vị thế quốc tế, vừa phải đối mặt với những thách thức nội tại trong nước. Việc Thủ tướng Narendra Modi lên nắm quyền năm 2014, đánh dấu bước điều chỉnh quan trọng trong định hướng chiến lược của Ấn Độ với những điều chỉnh chính sách đối nội và đối ngoại quan trọng nhằm củng cố, nâng cao vị thế quốc gia và phù hợp với xu thế phát triển mới. Bài viết tập trung phân tích những kết quả và hạn chế trong thực tiễn triển khai các chính sách của chính quyền Thủ tướng Narendra Modi trên các lĩnh vực đối ngoại, kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh từ năm 2014 đến nay, qua đó làm rõ cách thức tiếp cận chính sách của Ấn Độ giai đoạn này.

Từ khóa: Ấn Độ, chính sách, sáng kiến, Thủ tướng Narendra Modi, 2014.

Bối cảnh thế giới và trong nước khi Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi lên nắm quyền năm 2014

Tháng 5-2014, Thủ tướng Narendra Modi lên nắm quyền ở Ấn Độ trong bối cảnh môi trường quốc tế, khu vực và trong nước có những biến động sâu sắc, tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với định hướng chiến lược phát triển của quốc gia này. Trong đó, trật tự quốc tế tiếp tục dịch chuyển theo hướng đa cực với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Quan hệ Nga - Mỹ/phương Tây rơi vào trạng thái căng thẳng kéo dài, làm gia tăng phân hóa trong hệ thống quốc tế và tạo ra môi trường đối ngoại phức tạp đối với các nước đang nổi lên như Ấn Độ. Ở khu vực, sự trỗi dậy của

Trung Quốc cùng với việc Mỹ tăng cường can dự vào Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương khiến cạnh tranh chiến lược gia tăng. Quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc mang tính vừa hợp tác vừa cạnh tranh, trong khi quan hệ của Ấn Độ với Pakistan tiếp tục căng thẳng do tranh chấp Kashmir và các vấn đề an ninh xuyên biên giới, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Ấn Độ cũng phải đối mặt với các thách thức an ninh phi truyền thống như khủng bố, an ninh biển và an ninh phi truyền thống gia tăng. Những hạn chế về năng lực quốc phòng và sự phụ thuộc vào nhập khẩu vũ khí đặt ra yêu cầu cao cho Ấn Độ về tăng cường tự chủ chiến lược và năng lực phòng vệ. Về kinh tế - xã hội, Chính phủ Thủ tướng Narendra Modi tiếp quản một nền kinh tế đang gặp nhiều khó khăn với tăng trưởng

chậm, lạm phát cao, đồng rupee mất giá và tỷ lệ thất nghiệp gia tăng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu phục hồi chậm kể từ sau khủng hoảng tài chính năm 2008. Cùng với đó, các vấn đề xã hội mang tính cơ cấu như bất bình đẳng, chênh lệch vùng miền, hạn chế trong hệ thống giáo dục - y tế và căng thẳng xã hội ở Ấn Độ tiếp tục tạo sức ép lớn đối với tiến trình phát triển bền vững. Những tác động từ bối cảnh đa chiều này đã định hình các ưu tiên chiến lược của Chính phủ Thủ tướng Narendra Modi trên cả ba trụ cột về đối ngoại, quốc phòng - an ninh và kinh tế - xã hội theo cách tiếp cận chủ động, linh hoạt và thực dụng nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao vị thế của Ấn Độ trên trường quốc tế.

Kết quả triển khai các chính sách của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay

Mục tiêu và thành tựu nổi bật

Về đối ngoại

Để khẳng định vị thế một cường quốc khu vực có tầm ảnh hưởng ngày càng mở rộng, Ấn Độ triển khai chính sách đối ngoại theo hướng tăng cường quan hệ đối tác chiến lược trên toàn cầu, nhằm đạt được mục tiêu xuyên suốt là xây dựng không gian khu vực cởi mở, bao trùm và dựa trên luật lệ, đồng thời bảo đảm tự chủ chiến lược trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng gia tăng. Những định hướng này được thể chế hóa thông qua các khuôn khổ chính sách như: Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPOI), Chính sách “Hành động hướng Đông” (AEP), Chính sách “Láng giềng trước tiên” (NFP), cũng như chiến lược cân bằng quan hệ với các nước lớn, đặc

biệt là Sáng kiến “Cân bằng quan hệ với Trung Quốc và Mỹ”. Đặc trưng nổi bật trong chiến lược đối ngoại của Ấn Độ là cách tiếp cận linh hoạt, đa phương, cân bằng giữa các trung tâm quyền lực lớn và các nước láng giềng, trong đó Ấn Độ xác định châu Á và Mỹ giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc quan hệ đối tác.

Trong thực tiễn triển khai, Ấn Độ chú trọng kiện toàn bộ máy đối ngoại nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng không gian can dự quốc tế, nhất là khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Tháng 4-2019, Chính phủ Ấn Độ tiến hành hợp nhất các đơn vị phụ trách ASEAN, Hiệp hội Vành đai Ấn Độ Dương (IORA) và Đối thoại an ninh bốn bên (QUAD) thành Cục Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trực thuộc Bộ Ngoại giao, qua đó tăng cường tính thống nhất và hiệu quả trong hoạch định, điều phối và thực thi chính sách đối với khu vực. Tháng 9-2020, Ấn Độ chính thức thành lập Cơ quan phụ trách khu vực châu Đại Dương trực thuộc Bộ Ngoại giao, chịu trách nhiệm quản lý quan hệ ngoại giao với các quốc gia từ Tây Thái Bình Dương đến biển Andaman, phản ánh rõ sự điều chỉnh ưu tiên chiến lược của Ấn Độ đối với không gian Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Về khuôn khổ Chính sách “Hành động hướng Đông”, Ấn Độ xác định Đông Nam Á và Đông Á là các đối tác trọng tâm trong cấu trúc khu vực đang định hình. Trong đó, Ấn Độ thúc đẩy quan hệ ngoại giao và chính trị với các quốc gia ASEAN và tiểu vùng sông Mê Kông, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực. Ấn Độ công khai ủng hộ Tầm nhìn

Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của ASEAN (AOIP), tích cực tham gia các cơ chế do ASEAN dẫn dắt như Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), đồng thời triển khai nhiều sáng kiến hợp tác an ninh biển, đơn cử như thành lập Trung tâm Chia sẻ Thông tin (IFC) tại Singapore, Diễn đàn tuần tra bờ biển ASEAN; tích cực phát huy vai trò chủ đạo trong Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao hợp tác Mê Kông - sông Hằng (MGC); ký kết các thỏa thuận hợp tác chống cướp biển và cướp có vũ trang với Malaysia và Indonesia... Bên cạnh đó, Ấn Độ mở rộng hợp tác ngoại giao với các đối tác châu Á quan trọng như Nhật Bản, Hàn Quốc và Australia, trong đó nhấn mạnh đối thoại chính sách, phối hợp lập trường tại các diễn đàn đa phương và tăng cường hợp tác trong các khuôn khổ liên khu vực như Hành lang phát triển Á - Phi.

Với các nước láng giềng Nam Á, Ấn Độ tiếp tục coi Chính sách “Láng giềng trước tiên” là một trụ cột quan trọng nhằm duy trì ổn định chiến lược khu vực. Theo đó, Ấn Độ đẩy mạnh quan hệ chính trị, duy trì các kênh đối thoại song phương với Bangladesh, Nepal, Sri Lanka và Bhutan, đồng thời quản lý quan hệ với Pakistan theo hướng kiểm soát bất ổn, hạn chế leo thang căng thẳng và giảm thiểu nguy cơ xung đột ngoài ý muốn. Ấn Độ cũng tham gia và khởi xướng nhiều sáng kiến hợp tác khu vực, thể hiện vai trò trung tâm tại Nam Á, qua đó nâng cao vị thế chiến lược và khả năng định hình chương trình nghị sự khu vực.

Với các đối tác lớn, Ấn Độ mở rộng và củng cố rõ nét các quan hệ đối ngoại, nhất là xử lý hài hòa mối quan hệ với Mỹ và Trung

Quốc. Trong quan hệ với Mỹ, Ấn Độ theo đuổi cách tiếp cận vừa tăng cường đối tác chiến lược, vừa duy trì mức độ tự chủ chiến lược cần thiết. Quan hệ Ấn Độ - Mỹ được nâng cấp thông qua việc mở rộng các cơ chế đối thoại cấp cao, tăng cường phối hợp lập trường về các vấn đề khu vực và toàn cầu, thúc đẩy hợp tác trong các thể chế tiểu đa phương. Điển hình, Ấn Độ đẩy mạnh hợp tác với Mỹ trong các công nghệ mới như nghiên cứu phát triển các thiết bị quân sự, chip bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI); thiết lập Sáng kiến Mỹ - Ấn Độ về công nghệ trọng yếu và mới nổi (iCET). Tuy nhiên, Ấn Độ cũng tìm cách để tránh rơi vào các liên kết mang tính “ràng buộc cứng” trong quan hệ với Mỹ. Đối với Trung Quốc, Ấn Độ triển khai chính sách vừa kiểm chế vừa quản lý cạnh tranh, đặt trọng tâm vào bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và duy trì ổn định chiến lược lâu dài. Trước các căng thẳng kéo dài dọc Đường kiểm soát thực tế (LAC), Ấn Độ ưu tiên củng cố hiện diện an ninh và năng lực phòng thủ tại khu vực biên giới phía Bắc, đồng thời duy trì các kênh đối thoại quân sự và ngoại giao nhằm kiểm soát rủi ro xung đột. Trên bình diện khu vực, Ấn Độ chủ động thúc đẩy các cơ chế hợp tác an ninh và đối tác chiến lược với các quốc gia cùng chia sẻ quan ngại về hành vi đơn phương và sử dụng sức mạnh, qua đó góp phần tạo thế cân bằng chiến lược trước sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc trong không gian Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Bên cạnh không gian châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ mở rộng phạm vi tiếp cận toàn cầu thông qua việc tăng cường hiện diện ngoại giao tại châu Phi. Ngoài các chuyến thăm cấp cao, Ấn Độ đã mở thêm

18 cơ quan đại diện ngoại giao tại các quốc gia châu Phi để củng cố quan hệ chính trị và gia tăng ảnh hưởng chiến lược tại khu vực. Ở phạm vi rộng hơn, “sức mạnh mềm” và uy tín quốc tế của Ấn Độ tiếp tục gia tăng khi nước này tích cực tham gia và phát huy vai trò trong các cơ chế đa phương và các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, G20, Nhóm các nền kinh tế mới nổi hàng đầu thế giới (BRICS), IORA, Hiệp hội Hợp tác khu vực Nam Á (SAARC), Sáng kiến vịnh Bengal về hợp tác kinh tế và kỹ thuật đa ngành (BIMSTEC)... Trong đó, Ấn Độ đứng thứ tư thế giới về đóng góp quân số lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc qua việc cử 5.466 quân tham gia (tính đến tháng 10-2024). Hội nghị Thượng đỉnh “Tiếng nói Nam Bán cầu” do Ấn Độ chủ trì tháng 01-2023 với sự tham gia của 125 quốc gia cho thấy khả năng tập hợp lực lượng và ảnh hưởng ngoại giao ngày càng rõ nét. Ngoài ra, Ấn Độ là quốc gia duy nhất trong G20 đáp ứng các cam kết của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, với năng lượng tái tạo chiếm trên 40% tổng cơ cấu năng lượng quốc gia, đạt tiến độ sớm hơn 9 năm so với mục tiêu đến năm 2030; đồng thời đóng vai trò quan trọng trong cung ứng thuốc và vaccine cho khoảng 150 quốc gia trong đại dịch COVID-19, đáp ứng khoảng 60% nhu cầu vaccine toàn cầu. Những kết quả đối ngoại tích cực giúp Ấn Độ mở rộng không gian đối thoại, nâng cao vị thế ngoại giao, gia tăng khả năng định hình các chuẩn mực và cấu trúc hợp tác khu vực trong bối cảnh trật tự quốc tế đang có sự chuyển dịch nhanh chóng, phức tạp với nhiều thách thức mới.

Về kinh tế - xã hội

Trong chiến lược phát triển quốc gia, chính quyền Thủ tướng Narendra Modi xác định thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao mức sống của người dân là những mục tiêu trọng tâm. Trên cơ sở đó, Ấn Độ triển khai một loạt sáng kiến kinh tế quy mô lớn nhằm thúc đẩy tăng trưởng, thu hút đầu tư, vừa tăng cường năng lực tự chủ chiến lược trong bối cảnh cạnh tranh và biến động địa - kinh tế toàn cầu gia tăng, phản ánh rõ định hướng mục tiêu kết hợp hội nhập kinh tế quốc tế và củng cố nội lực quốc gia. Tiêu biểu là Sáng kiến “Sản xuất tại Ấn Độ” (Make in India, 2014) nhằm đưa Ấn Độ trở thành trung tâm sản xuất toàn cầu; Sáng kiến “Ấn Độ Kỹ thuật số” (Digital India, 2015) tập trung phát triển hạ tầng số và dịch vụ công trực tuyến; Sáng kiến “Thuế hàng hóa và dịch vụ” (GST, 2017) nhằm hình thành thị trường nội địa thống nhất; Sáng kiến “Ấn Độ tự lực” (Self-reliant India, 2020) nhấn mạnh xây dựng nền kinh tế tự cường song song với hội nhập quốc tế. Tổng thể chính sách kinh tế - xã hội của Ấn Độ thể hiện cách tiếp cận kết hợp giữa tăng trưởng, cải cách thể chế và bảo đảm bao trùm xã hội, qua đó tạo nền tảng cho phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong dài hạn và củng cố vị thế của Ấn Độ trong nền kinh tế toàn cầu.

Thực tiễn quá trình triển khai chính sách, Ấn Độ đặc biệt chú trọng đẩy mạnh đầu tư cho sản xuất trong nước, thể hiện qua cam kết đầu tư trị giá khoảng 240 tỷ USD sau khi Sáng kiến “Make in India” được khởi động. Chi tiêu công cho các chương trình thúc đẩy

tăng trưởng tiếp tục gia tăng; chỉ tính riêng năm 2024, tổng mức chi đạt khoảng 134 tỷ USD. Đặc biệt, Ấn Độ ưu tiên đầu tư vào các ngành có giá trị gia tăng cao và hoạt động nghiên cứu - phát triển (R&D) nhằm thúc đẩy động lực then chốt cho tăng trưởng dài hạn. Chính phủ của Thủ tướng Narendra Modi cũng tập trung cải thiện môi trường thể chế nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), với nhiều thủ tục hành chính được đơn giản hóa và chính sách đầu tư được nới lỏng. Điển hình, trong 25 lĩnh vực kinh doanh trọng yếu (trừ các lĩnh vực nhạy cảm như vũ trụ, quốc phòng và truyền thông), 22 lĩnh vực cho phép đầu tư 100% FDI. Do đó, giai đoạn 2015 - 2024, Ấn Độ đã thu hút khoảng 667 tỷ USD FDI, tăng 119% so với mức 304 tỷ USD trong giai đoạn 2005 - 2014. Bên cạnh đó, Chương trình Khuyến khích Liên kết Sản xuất (PLI) được Ấn Độ triển khai từ năm tài khóa 2021 - 2022 áp dụng cho 13 lĩnh vực sản xuất với tổng ngân sách khoảng 27,02 tỷ USD trong 5 năm đã thu hút sự tham gia của nhiều tập đoàn đa quốc gia lớn như Apple và Amazon, góp phần tăng cường liên kết giữa nền kinh tế Ấn Độ và chuỗi giá trị toàn cầu. Trên cơ sở đó, Ấn Độ duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong thời gian dài. Trong vòng một thập niên, thứ hạng nền kinh tế Ấn Độ đã tăng từ vị trí thứ 10 thế giới năm 2014 lên thứ 5 vào năm 2023, với quy mô GDP đạt khoảng gần 4.000 tỷ USD; các dự báo cho thấy, nước này có khả năng vươn lên vị trí thứ 3 thế giới vào năm 2030 với GDP vượt mức 7.000 tỷ USD. Bên cạnh đó, Ấn Độ hiện đứng thứ ba toàn cầu về số lượng “kỳ lân công nghệ” với 111 doanh nghiệp, thứ ba về số lượng tỷ phú với 169 cá nhân,

đồng thời giữ vai trò là một trung tâm công nghệ thông tin hàng đầu thế giới. Đáng chú ý, hơn 850 triệu người dân Ấn Độ đã tiếp cận và sử dụng điện thoại thông minh cùng Internet, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế số.

Về chính sách xã hội, Ấn Độ triển khai đồng bộ nhiều sáng kiến nhằm cải thiện điều kiện sống người dân, mở rộng tiếp cận dịch vụ cơ bản và thu hẹp khoảng cách xã hội, tiêu biểu như Sáng kiến “Sứ mệnh Ấn Độ sạch” (Swachh Bharat Abhiyan), Chương trình “Cung cấp khí đốt cho hộ gia đình nghèo” (Ujjwala Yojana)... Trong lĩnh vực hạ tầng, giai đoạn 2014 - 2023, tại Ấn Độ có khoảng 50.000 km đường cao tốc được xây dựng, tỷ lệ dân số nông thôn tiếp cận điện tăng từ 88% (2014) lên 99,6% (2020). Trong lĩnh vực y tế, năm 2018, Thủ tướng Narendra Modi công bố Chương trình “Bảo hiểm y tế do chính phủ tài trợ” (Ayushman Bharat, là chương trình bảo hiểm y tế lớn nhất thế giới do chính phủ tài trợ) cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe giá cả phải chăng cho hàng triệu người dân. Ấn Độ cũng triển khai nhiều chương trình, sáng kiến để tạo điều kiện cho người dân tiếp cận nguồn tài chính như: Sáng kiến “Mở rộng tài chính cho người nghèo” (Jan Dhan Yojana); Sáng kiến “PMGDISY” (Pradhan Mantri Garib Kalyan Yojana) cung cấp hỗ trợ tài chính và an sinh xã hội cho nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội; Chính sách “Hủy bỏ tiền mặt” giúp minh bạch hóa hệ thống tài chính - ngân hàng, chống tham nhũng... Ngoài ra, các chương trình như Công viên Công nghệ dành cho Phụ nữ (WTP) nhằm thúc đẩy vai trò kinh tế của phụ nữ đã giúp hơn 10.000 phụ nữ nông thôn Ấn Độ nâng

cao năng lực tự chủ kinh tế. Các chính sách và chương trình phát triển trong lĩnh vực y tế, giáo dục và cung cấp dịch vụ công cơ bản đã góp phần nâng cao trình độ dân trí, cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe và nâng cao rõ rệt chất lượng đời sống của người dân Ấn Độ.

Về quốc phòng - an ninh

Với bối cảnh môi trường an ninh khu vực và quốc tế có nhiều biến động phức tạp, chính quyền Thủ tướng Narendra Modi coi hiện đại hóa quân đội và tăng cường năng lực bảo đảm an ninh quốc gia là một trong những trụ cột chiến lược quan trọng. Các sáng kiến và chính sách quốc phòng của Ấn Độ tập trung vào ba mục tiêu chủ yếu gồm: Gia tăng quy mô và hiệu quả chi tiêu quốc phòng nhằm hiện đại hóa lực lượng vũ trang; phát triển năng lực nghiên cứu, chế tạo và sản xuất quốc phòng trong nước gắn với các sáng kiến “Make in India” và “Self-reliant India”, để nâng cao mức độ tự chủ chiến lược; duy trì năng lực răn đe chiến lược, đặc biệt là răn đe hạt nhân trên cơ sở chính sách “Không sử dụng hạt nhân trước” (NFU). Theo đó, chiến lược quốc phòng - an ninh của Ấn Độ phản ánh sự kết hợp giữa gia tăng nguồn lực tài chính, thúc đẩy tự chủ công nghiệp quốc phòng và mở rộng vai trò trên thị trường thương mại quốc phòng quốc tế, nhằm nâng cao năng lực quân sự và răn đe chiến lược, giúp Ấn Độ củng cố vị thế như một cường quốc quân sự có ảnh hưởng ngày càng lớn trong khu vực và trên phạm vi toàn cầu.

Để tăng cường tiềm lực quốc phòng, trong hơn một thập niên qua, Ấn Độ liên tục ưu tiên phân bổ ngân sách cho lĩnh vực quốc

phòng và hiện đại hóa quân đội. Theo số liệu của Viện Nghiên cứu Hòa bình Quốc tế Stockholm (SIPRI), năm 2023, Ấn Độ là quốc gia có mức chi tiêu quốc phòng lớn thứ tư thế giới, với tổng chi 83,6 tỉ USD, tăng 4,2% so với năm 2022. Ngân sách quốc phòng của Ấn Độ cho năm tài khóa 2025 - 2026 đạt mức 78,7 tỉ USD, chiếm khoảng 1,91% GDP. Trong đó, khoảng 21,7 tỉ USD được Ấn Độ dành cho chương trình hiện đại hóa quân đội, gồm mua sắm vũ khí, máy bay và tàu chiến thế hệ mới; khoảng 13,5 tỉ USD phân bổ cho các sáng kiến phát triển và sản xuất quốc phòng trong nước nhằm giảm phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài. Đồng thời, Ấn Độ là một trong những quốc gia nhập khẩu vũ khí lớn nhất thế giới, gồm nhiều hệ thống vũ khí và khí tài hiện đại như máy bay Rafale, tàu ngầm lớp Scorpène, hệ thống phòng không S-400, với tổng giá trị nhập khẩu hơn 100 tỉ USD, chiếm khoảng 12% tổng kim ngạch nhập khẩu vũ khí toàn cầu. Bên cạnh đó, Ấn Độ hiện là một trong 9 quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân và có lực lượng quân đội lớn thứ 2 thế giới về quân số, qua đó củng cố vị thế răn đe chiến lược của nước này.

Chính phủ Thủ tướng Narendra Modi cũng tập trung xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp quốc phòng trong nước, thúc đẩy ưu tiên sử dụng các hệ thống vũ khí, trang bị sản xuất nội địa, đồng thời ban hành các chính sách nhằm thu hút khu vực tư nhân tham gia sâu hơn vào lĩnh vực quốc phòng. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Ấn Độ đã triển khai mô hình Hành lang Công nghiệp Quốc phòng (DIC) và phê duyệt

07 dự án cơ sở thử nghiệm quốc phòng (04 cơ sở tại bang Tamil Nadu và 03 cơ sở tại bang Uttar Pradesh). Theo Bộ Quốc phòng Ấn Độ, trong năm tài khóa 2023 - 2024, giá trị sản xuất quốc phòng trong nước đạt mức cao nhất từ trước đến nay, với khoảng 15 tỉ USD, tăng 16,7% so với năm 2022 - 2023 và tăng khoảng 60% so với giai đoạn 2019 - 2020. Nhiều loại vũ khí, khí tài chủ lực do Ấn Độ tự sản xuất đã đạt trình độ tiệm cận chuẩn quốc tế như: Xe tăng chiến đấu chủ lực Arjun; pháo tự hành K9 Vajra-T; pháo phản lực phóng loạt 214mm Pinaka (Lục quân); máy bay tiêm kích tiên công mặt đất Tejas; trực thăng chiến đấu hạng nhẹ (LCH) Prachand, máy bay tiêm kích Su-30MKI sản xuất theo cấp phép của Nga (Không quân); tàu sân bay INS Vikrant; tàu khu trục mang tên lửa tàng hình INS Mormugao; tàu ngầm thế hệ mới INS Vagir (Hải quân)... Điều này giúp Ấn Độ giảm phụ thuộc vào nhập khẩu và nâng cao năng lực tự chủ chiến lược về quốc phòng và an ninh, đồng thời củng cố năng lực tác chiến không gian, thông tin vệ tinh và phòng thủ không gian mạng của Quân đội Ấn Độ.

Đồng thời, Ấn Độ đẩy mạnh xuất khẩu quốc phòng nhằm gia tăng hiện diện trên thị trường vũ khí toàn cầu, thông qua việc thành lập các cơ quan xúc tiến như Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Quốc phòng và Sàn giao dịch Quốc phòng, xây dựng cổng thông tin trực tuyến India Defence Mart; đơn giản hóa các thủ tục cấp phép, ưu đãi tài chính và hợp tác quốc tế. Theo số liệu của Bộ Quốc phòng Ấn Độ, kim ngạch xuất khẩu quốc phòng của nước này tăng khoảng 10 lần, từ 184,7 triệu

USD trong năm tài khóa 2016 - 2017 lên 1,86 tỉ USD trong năm tài khóa 2022 - 2023. Liên đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ (FICCI) cho biết, hiện có khoảng 100 doanh nghiệp quốc phòng Ấn Độ tham gia xuất khẩu vũ khí và trang bị quân sự sang hơn 85 quốc gia, với các sản phẩm tiêu biểu như máy bay đa năng Dornier-228, pháo lựu xe kéo 155 mm, tên lửa hành trình siêu thanh BrahMos và nhiều hệ thống vũ khí, khí tài hiện đại khác.

Những hạn chế, khó khăn, thách thức

Thứ nhất, quan hệ với một số quốc gia láng giềng chưa được cải thiện như kỳ vọng. Các tranh chấp biên giới với Trung Quốc và Pakistan tiếp tục là thách thức lớn, trong khi tại khu vực Nam Á, Ấn Độ phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gia tăng từ Trung Quốc và sự can dự sâu hơn của các cường quốc khác.

Thứ hai, một số mục tiêu trong các sáng kiến kinh tế, công nghệ và môi trường chưa đạt được. Tỷ trọng sản xuất trong GDP không tăng như kỳ vọng của Sáng kiến “Sản xuất tại Ấn Độ”, mà giảm từ 16,7% (2013 - 2014) xuống 15,9% (2023 - 2024), thấp hơn mục tiêu 25% đặt ra cho năm 2022. Nền kinh tế vẫn phụ thuộc đáng kể vào nhập khẩu, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và linh kiện điện tử; các biện pháp khuyến khích sản xuất trong nước chưa đủ mạnh để tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu nhanh chóng. Trong lĩnh vực kinh tế số, tỷ lệ phổ cập Internet ở khu vực nông thôn thấp; vấn đề bảo mật dữ liệu cá nhân vẫn tồn tại nhiều lỗ hổng; việc triển khai thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) gặp khó khăn, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngoài ra,

khoảng cách giữa cam kết và thực thi vẫn tồn tại, đặc biệt trong hợp tác kinh tế quốc tế. Việc Ấn Độ rút khỏi Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và chưa tham gia các hiệp định thương mại tự do quan trọng như với EU hay Hiệp định Đối tác toàn diện và xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) làm dấy lên lo ngại về mức độ sẵn sàng hội nhập sâu rộng của nước này. Trong khi đó, các vấn đề xã hội nội tại vẫn tồn tại dai dẳng, nổi bật là bất bình đẳng thu nhập và khoảng cách giàu nghèo gia tăng, thất nghiệp thanh niên ở mức cao, cơ sở hạ tầng và chất lượng giáo dục - đào tạo còn hạn chế, tham nhũng và ô nhiễm môi trường chưa được kiểm soát hiệu quả; chính sách hủy bỏ tiền mặt gây ra gián đoạn kinh tế đáng kể nhưng chưa mang lại kết quả tương xứng với kỳ vọng...

Thứ ba, tiến trình hiện đại hóa quân đội, đặc biệt là hải quân, còn gặp nhiều hạn chế. Dù sở hữu đường bờ biển dài 7.516 km và có vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh hàng hải khu vực, ngân sách dành cho hải quân trong tài khóa 2024 - 2025 giảm 1,7% so với năm 2023 - 2024, ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển năng lực dài hạn và khả năng tác chiến liên quân chủng.

Một số vấn đề dự báo về xu hướng chính sách của Ấn Độ trong thời gian tới

Một là, Ấn Độ tiếp tục thực hiện các chiến lược và sáng kiến vừa mang tính cạnh tranh, vừa mang tính hợp tác tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gia tăng, đặc biệt là sự nổi lên của Trung Quốc, Ấn Độ có xu hướng đẩy

mạnh tập hợp lực lượng thông qua việc củng cố các liên minh và đối tác chiến lược linh hoạt, đồng thời duy trì không gian tự chủ chiến lược. Song song với đó, thúc đẩy hợp tác thương mại, an ninh và kết nối khu vực với các đối tác chủ chốt, trong đó có ASEAN.

Hai là, tích cực tham gia các hoạt động nhằm nâng cao vị thế, uy tín và ảnh hưởng quốc tế. Thông qua việc mở rộng vai trò tại các diễn đàn khu vực và toàn cầu, Ấn Độ tăng cường đóng góp vào các vấn đề an ninh, phát triển và quản trị toàn cầu, hướng tới khẳng định hình ảnh một cường quốc có trách nhiệm. Ấn Độ sẽ tiếp tục triển khai chính sách ngoại giao chủ động, linh hoạt để bảo vệ lợi ích quốc gia, đồng thời gia tăng khả năng định hình chương trình nghị sự quốc tế trong các lĩnh vực mà Ấn Độ có thế mạnh.

Ba là, đẩy mạnh cải cách cơ cấu gắn với mục tiêu tăng trưởng bền vững và dài hạn. Chính phủ Ấn Độ sẽ tiếp tục thúc đẩy các cải cách về thể chế và kinh tế nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả quản trị và khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc bên ngoài. Trọng tâm là phát triển kinh tế xanh, năng lượng tái tạo và chuyển đổi số, cùng với tăng cường đầu tư cho hạ tầng chiến lược, đặc biệt trong các lĩnh vực giao thông, năng lượng và công nghệ. Đồng thời, Ấn Độ đẩy mạnh chuyển đổi sang mô hình sản xuất dựa trên công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn, tập trung vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng lực đổi mới sáng tạo và trình độ công nghệ trong các ngành then chốt như điện tử, tự động hóa và sản xuất thông minh.

Bốn là, tăng cường đầu tư cho giáo dục và y tế nhằm nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực và cải thiện công bằng xã hội. Trong bối cảnh dân số trẻ và quá trình chuyển đổi công nghệ diễn ra nhanh chóng, Ấn Độ sẽ ưu tiên phát triển hệ thống giáo dục gắn với nhu cầu của nền kinh tế tri thức, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cao. Các chính sách giảm bất bình đẳng xã hội và bảo đảm an sinh sẽ tiếp tục được Ấn Độ coi là nền tảng để bảo đảm duy trì ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững.

Năm là, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực quốc phòng, đặc biệt là các công nghệ lõi và công nghệ mới. Ấn Độ sẽ tập trung xây dựng năng lực tự chủ trong phát triển các hệ thống vũ khí và trang bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu quốc phòng trong nước và từng bước mở rộng xuất khẩu. Đồng thời, mở rộng, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng Ấn Độ trên thị trường quốc tế, không ngừng củng cố vai trò, vị thế cường quốc quan trọng trong chuỗi cung ứng quốc phòng toàn cầu.

Kết luận

Từ năm 2014, Chính phủ Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã triển khai các chiến lược và chính sách toàn diện nhằm tái định vị vai trò quốc gia trong bối cảnh trật tự khu vực và quốc tế biến chuyển nhanh chóng. Những nỗ lực này giúp Ấn Độ nâng cao vị thế quốc tế, duy trì tăng trưởng kinh tế và củng cố mức độ tự chủ chiến lược, qua đó gia tăng ảnh hưởng ở khu vực và trên toàn cầu. Tuy nhiên, Ấn Độ vẫn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt trong quan hệ láng giềng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hiện đại hóa quốc phòng. Dù vậy, giai đoạn năm

quyền của Thủ tướng Narendra Modi đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy và thực tiễn chính sách, tạo nền tảng cho mục tiêu đưa Ấn Độ trở thành một cường quốc có ảnh hưởng ngày càng lớn trên trường quốc tế. Thời gian tới, triển vọng phát triển và nâng cao vị thế của Ấn Độ sẽ phụ thuộc lớn vào khả năng tiếp tục cải cách thể chế, xử lý hiệu quả các vấn đề xã hội nội tại và duy trì cân bằng chiến lược trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng gay gắt./.

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng An (2024), Ấn Độ đã hoạt động như thế nào kể từ khi Thủ tướng Narendra Modi lần đầu nắm quyền vào năm 2014?, Báo Nhà Đầu tư, <https://nhadautu.vn>, 17-4-2024.
2. Trung Hiếu - Lâm Phương (2024), Những thay đổi tầm nhìn chiến lược trong lĩnh vực quân sự của Ấn Độ, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, <https://tapchiquptd.vn>, 14-11-2024.
3. Nguyễn Thị Oanh - Phan Cao Nhật Anh (2025), Chính sách đối ngoại của Ấn Độ: Hướng đến một cường quốc cân bằng, Tạp chí Cộng sản, <https://www.tapchiconsan.org.vn>, 13-08-2025.
4. Trần Nam Tiến (2022), Chính sách Nam Á của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014-2019): Tiếp cận từ góc độ an ninh, Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 7.2022, tr 4-11.
5. Ladhu R. Choudhary (2024), India's Military Modernization Efforts Under Prime Minister Modi, The Stimson Center, <https://www.stimson.org/2024/indias-military-modernization-efforts-under-prime-minister-modi/>, May 22, 2024.
6. Malkiat Singh (2025), Indian Foreign Policy under Modi Government from 2014-2025: An Analysis, International Journal of Research - GRANTHAALAYAH, 13(1), <https://www.granthaalayahpublication.org>, 31 January 2025.

**THE IMPLEMENTATION OF INDIA'S POLICIES
UNDER PRIME MINISTER NARENDRA MODI FROM 2014 TO PRESENT**

NGUYEN VAN KHOAI

Abstract: The increasing strategic competition among major powers and restructuring of the Indo-Pacific regional order have significantly altered the security and foreign policy environment of emerging nations. In this context, India faces opportunities to enhance its international standing while simultaneously confronting internal challenges. Prime Minister Narendra Modi, taking the office in 2014, marked a significant shift in India's strategic direction with important adjustments to domestic and foreign policies aimed at strengthening and improving the nation's position as well as aligning with new development trends. This article focuses on analysing the results and limitations in the practical implementation of the Modi Administration's policies in the areas of foreign, socio-economic and defence-security affairs since 2014, thereby clarifying India's policy approach during this period.

Keywords: India, policy, initiative, Prime Minister Narendra Modi, 2014.

(Tiếp theo trang 98)

THE SYRIAN CIVIL WAR AND SOME LESSONS FOR VIET NAM

NGUYEN HOANG THANG

Abstract: In 2021, the Syrian civil war erupted and subsequently unfolded through multiple phases marked by rapidly shifting dynamics. Far from being merely an internal conflict among domestic factions, it evolved into a symbol of the complex and interwoven contradictions of the contemporary era. What began as peaceful demonstrations demanding democracy and freedom quickly escalated into localised clashes that spread nationwide, transforming Syria into a brutal battlefield involving a wide array of domestic and external actors. Over more than a decade, Syria has suffered profound losses, with hundreds of thousands killed, million displaced, and invaluable cultural heritage sites severely damaged or destroyed. More fundamentally, the civil war has laid bare deep-seated political, religious, and ethnic divisions, not only within Syria itself but also on a global scale. The conflict thus offers important lessons regarding the critical importance of political and institutional stability, flexibility in state governance, an independent foreign policy, and the cultivation and reinforcement of national unity among diverse ethnic and social groups.

Keywords: The Syrian Civil war, developments, impacts, the Assad government, intervention.